

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 05-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thanh Hải;

2/ Ông Trần Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1993, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: 43/14, tổ A, khóm A1, phường A2, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; vợ, con: Không có; tiền án: Không; tiền sự: Tháng 8/2016, Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số: 72/QĐ-TA ngày 23/11/2016 đến ngày 18/11/2017 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2020 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Những người tham gia tố tụng:**

- Bị hại: Ông Lâm Gia Đ, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã E1, huyện D, tỉnh Bình Dương. (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: 43/14, tổ A, khóm A1, phường A2, thành phố C, tỉnh An Giang. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Võ Diễm T1, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: 43/14, tổ A, khóm A1, phường A2, thành phố C, tỉnh An Giang. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Văn H, Lâm Gia Đ là bạn của nhau ngoài xã hội. Tối ngày 01/02/2019, do đi chơi về khuya nên H đến phòng trọ của B thuê ở ấp F, xã E1, huyện D ngủ qua đêm. Khoảng 06 giờ sáng ngày 02/02/2019, H nhờ B chở đến xã G, huyện D để xin việc làm. Do không có xe mô tô nên Bích điện thoại cho Lâm Gia Đ hỏi mượn xe mô tô của Đ để chở H đi xin việc, khi mượn xe B nói với Đ là khoảng 02 tiếng sẽ trả lại xe cho Đ và nhờ H qua nhà Đ lấy xe nên Đ đồng ý cho B mượn xe.

Do không có xe nên B điện thoại cho Trần Hiếu T2, sinh năm 1987, thường trú tại ấp F, xã E1, huyện D là thợ sửa xe, đồng thời là người chạy xe ôm, đến phòng trọ của B để chở H đến nhà Đ lấy xe mô tô.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô hiệu Mio, biển số 66B1-186.99 đến phòng trọ của B để chở H đến nhà Đ để mượn xe mô tô. Sau khi Đ giao xe mô tô biển số 61H1-335.07, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh bạc cho H, H điều khiển xe mô tô của Đ về phòng trọ của B, còn T2 đi về nhà T2.

Sau khi mượn được xe, B điều khiển xe chở H đi theo hướng từ xã E1, huyện D đến xã G, huyện D. Trên đường đi, B rủ H đi đến thị xã M, tỉnh Bình Dương để B mượn tiền của bạn B, sau đó sẽ quay lại xã G xin việc cho H, H đồng ý.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, B và H vào quán cà phê thuộc phường M1, thị xã M, tỉnh Bình Dương để uống nước. Do điện thoại của B hết pin nên B mượn điện thoại I phone 6 plus của H để liên lạc với bạn của B tên K để mượn tiền. Tại quán cà phê, B nhắn tin, điện thoại cho K nhiều lần nhưng K không nghe điện thoại, không trả lời tin nhắn nên B mượn điện thoại của H để đi đến phòng trọ của K gặp K hỏi mượn tiền, H đồng ý cho B mượn điện thoại. H ngồi đợi B ở quán cà phê

khoảng 30 phút, không thấy B quay lại, H mượn điện thoại của chủ quán liên lạc với B thì không liên lạc được nên H đón xe đi về nhà.

Sau khi mượn điện thoại của H, B điều khiển xe mô tô của Đ đến phòng trọ của K (phòng trọ cách quán cà phê khoảng 500m) nhưng K không có nhà, phòng trọ khóa cửa. B lấy điện thoại mượn của H ra để gọi cho K nhưng do điện thoại khóa màn hình, B không mở được nên bực tức ném điện thoại Iphone 6 plus của H vào vách tường phòng trọ, làm điện thoại bị vỡ và vứt điện thoại tại đó.

Do không mượn được tiền nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của Đ, B điều khiển xe mô tô của Đ về Thành phố Hồ Chí Minh, do sợ bị phát hiện nên B điều khiển xe đến bến xe Miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, gửi xe tại bến xe rồi đón xe khách đi Vũng Tàu làm thuê. Khoảng 01 tháng sau thì B quay lại bến xe Miền Đông lấy xe mô tô đã gửi trước đó rồi điều khiển xe đến nhà bạn tên L ở thành phố I, tỉnh Kiên Giang chơi. Sau đó, B điều khiển xe về nhà B tại phường A2, thành phố C, tỉnh An Giang, trên đường đi thì bị ngã nên người và xe bị trầy xước. Do hết tiền tiêu xài nên B đã quay lại nhà L và nhờ L cầm xe của Đ. Khi đưa xe cho L đi cầm, B nói xe mô tô của B nhưng giấy tờ xe bị mất. L không hỏi gì và mang xe mô tô đi cầm được 7.000.000 đồng. L đưa số tiền này cho B, B đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình giải quyết tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với B, sau đó B đã lấy lại xe mô tô biển số 61H1 -335.07, giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Bản kết luận số 24/Kl-HĐĐG ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển số 61H1-335.07, số máy: 356641, số khung: 339735, có giá trị là 20.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Nguyễn Văn B về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đồng thời ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với B. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập B đến làm việc nhưng B không đến, chính quyền địa phương nơi B cư trú xác nhận B không có ở địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ra Quyết định truy nã bị can, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ điều tra. Sau khi bắt được Bích, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ra Quyết định đình nã, Phục hồi điều tra vụ án hình sự, phục hồi điều tra và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn B.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển số 61H1-335.07, số máy:

356641, số khung: 339735 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lâm Gia Đ, theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 05/QĐ, ngày 30/5/2019. Ông Đ yêu cầu Nguyễn Văn B bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng tiền sửa chữa xe, B đồng ý bồi thường.

Đối với người tên L mà B nhờ cầm xe mô tô, do L là bạn quen biết ngoài xã hội nên B không biết được nhân thân, lai lịch của L. Sau khi chuộc được xe, mang về giao nộp cho Cơ quan Công an huyện D, B quay trở lại thành phố J, tỉnh Kiên Giang tìm L nhưng do đường làm mới nên B không tìm được địa chỉ của L, điện thoại của B bị mất nên không nhớ số điện thoại của L để liên lạc. Do chưa làm việc được với L để xác minh hành vi cầm xe giúp B và không biết được ai là người nhận cầm xe mô tô. Vì vậy, khi nào xác minh được, nếu có dấu hiệu của tội phạm sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng mà B mượn của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Võ Diễm T1, sinh năm 1982, cùng ngụ tại số 43/11, tổ A, khóm A1, phường A2, thành phố C, tỉnh An Giang (ông T là cha ruột của B, bà T1 là vợ sau của ông T) để chuộc xe mô tô, ông T và bà T1 không yêu cầu B trả lại.

Đối với hành vi của B mượn điện thoại của H sau đó đập điện thoại, vứt bỏ điện thoại và không trả lại điện thoại cho H, có dấu hiệu của tội “hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, hành vi hủy hoại tài sản của B thực hiện ở phường M1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Ngày 18/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã có công văn số 441/TB-CSĐT, thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M để điều tra, xử lý hành vi hủy hoại tài sản của B.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSDT-HS ngày 06/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 361; Điều 364; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo B bồi thường cho bị hại ông Đ số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với người tên L mà bị cáo B nhờ cầm xe mô tô và người cầm xe mô tô mà bị cáo B chiếm đoạt của bị hại Đ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D chưa làm việc được. Vì vậy, khi nào làm việc, xác minh được, nếu có dấu hiệu của phạm tội sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi bị cáo B mượn điện thoại I phone 6 plus của ông H. Bị cáo B đập điện thoại, vứt bỏ điện thoại và không trả lại điện thoại cho ông H, có dấu hiệu của tội “hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo B thực hiện ở phường M1, thị xã M, tỉnh Bình Dương nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Vì vậy, ngày 18/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã có công văn số 441/TB-CSĐT, thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M, tỉnh Bình Dương để điều tra, xử lý hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo B.

* Vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt vấn đề xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 7.000.000 đồng bị cáo B mượn của ông Nguyễn Văn T và bà Võ Diễm T1 để chuộc xe mô tô. Quá trình làm việc ông T, bà T1 không có yêu cầu bị cáo B hoàn trả lại đây là sự tự nguyện của ông T, bà T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

Quá trình làm việc bị hại ông Đ cung cấp hóa đơn thể hiện việc sửa chữa xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển số 61H1-335.07 là 5.200.000 đồng nhưng bị hại ông Đ chỉ yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại ông Đ chỉ yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 3.000.000 đồng đây là sự tự nguyện của bị hại Đ. Đồng thời, bị cáo B đồng ý bồi thường cho bị hại Đ số tiền 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị hại ông Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B để bị cáo B sớm trở về với gia đình.

Tại phiên tòa, bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bích thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Sáng ngày 02/02/2019, do lợi dụng lòng tin của bị hại Đ nên bị cáo đã mượn và chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển số 61H1-335.07 đem cầm cố lấy số tiền 7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Tại bản kết luận số 24/KL-HĐĐG ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: Xe mô tô mà bị cáo B chiếm đoạt của bị hại Đ có giá trị 20.000.000 đồng nên đã phạm vào tội ‘lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản’ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo B phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 30/CT-VKSĐT-HS ngày 06/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội ‘lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản’ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Bích là người trình độ học vấn thấp nhưng bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng mối quan bạn bè, lợi dụng lòng tin của bị hại Đ để chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển số 61H1-335.07 của bị hại Đ trị giá 20.000.000 đồng để cầm cố lấy số tiền 7.000.000 đồng tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân của bị cáo B mà không phải lao động. Hành vi của bị cáo B không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Đ được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý bị cáo B mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo B nhằm có

điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo B thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo B có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đồng thời, bị cáo B đã tích cực tác động gia đình bỏ tiền chuộc lại xe mô tô và giao nộp cho Công an huyện D để trao trả cho bị hại ông Đ, bị cáo Bích là người có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, bị hại ông Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với người tên L mà bị cáo B nhờ cầm xe mô tô và người cầm xe mô tô mà bị cáo B chiếm đoạt của bị hại ông Đạt Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D chưa làm việc được. Vì vậy, khi nào làm việc, xác minh được, nếu có dấu hiệu của phạm tội sẽ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi bị cáo B mượn điện thoại I phone 6 plus của ông H. Bị cáo B đập điện thoại, vứt bỏ điện thoại và không trả lại điện thoại cho ông H, có dấu hiệu của tội “hủy hoại tài sản”. Tuy nhiên, hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo Bích thực hiện ở phường M1, thị xã M, tỉnh Bình Dương nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Vì vậy, ngày 18/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã có công văn số 441/TB-CSĐT, thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M, tỉnh Bình Dương để điều tra, xử lý hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo B là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, mức bồi thường dân sự và điều luật đề nghị áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B có trách nhiệm bồi thường cho ông Lâm Gia Đ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[10] Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Bị cáo B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 361; Điều 364; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B có trách nhiệm bồi thường cho ông Lâm Gia Đ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lâm Gia Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn B không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/6/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty